

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2018

V/v “Xin Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Kỳ

2. Ông Ngô Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 265/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/9/2017 về việc “**Xin ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX ngày 05/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐ-HPT ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: dân phố 23, khu phố Minh Tân 3, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Ông **Trần Quang T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: dân phố 06, khu phố Thanh Giang 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 2 năm 2017 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Quang T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 222 quyển số 01/2008 ngày 04/7/2008 tại UBND thị trấn P. Trong thời gian chung sống vợ chồng không đạt được hạnh phúc, Do ông Trọng có tình gia trưởng, độc đoán, thường xuyên nhậu nhẹt bê tha về chửi bới, đánh đập bà rất nhiều lần và còn xúc phạm đến cha mẹ bà, do không thể chịu đựng được nữa, nên khoảng đầu tháng 4 năm 2017 bà đã dẫn con về lại nhà cha mẹ ruột bà sống ly thân cho đến nay, không ai

quan tâm đến ai. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Trọng nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trọng.

- Về con chung: có 02 con, tên Trần Thị X, sinh ngày 10/9/2001 và Trần Thị M, sinh ngày 23/7/2006 bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Trọng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Bị đơn ông Trần Quang T trình bày: Ông và bà Tuyết xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P. Trong thời gian chung sống vợ chồng không đạt được hạnh phúc, vì bà Tuyết không có trách nhiệm đối với ông, không chăm lo đầy đủ cơm nước cho ông, do bức tức ông có nhiều lần đánh đập bà Tuyết, khoảng đầu tháng 4 năm 2017 bà Tuyết đã tự ý dẫn con về lại nhà cha mẹ ruột bà sống ly thân cho đến nay, không quan tâm đến ông. Nay bà Tuyết yêu cầu giải quyết ly hôn thì Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của bà Tuyết, chứ ông thì không đồng ý ly hôn vì ông cũng cần bà Tuyết quay về nhà để chăm lo cho chồng con.

- Về con chung: có 02 con, tên Trần Thị X, sinh ngày 10/9/2001 và Trần Thị M, sinh ngày 23/7/2006

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Khi Tòa án lấy lời khai ông Trọng lần thứ hai thì ông có ý kiến là do ông phải đi làm thợ hồ, không có thời gian đến Tòa án làm việc và có yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt ông. Tòa án đã tổng đạt Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập ông đến tòa để hòa giải, nhưng ông vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Tuyên xử: về hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Quang T; về con chung: giao 2 con chung là Trần Thị Xương, sinh ngày 10/9/2001 và Trần Thị Mai, sinh ngày 23/7/2006 cho bà Tuyết nuôi dưỡng, giáo dục; bà Tuyết không yêu cầu ông Trọng phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Trọng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung, không ai cản trở; về án phí: bà Tuyết phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Tuyết vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Trọng. xét yêu cầu của đương sự, thì đây là vụ kiện “Xin ly hôn” được qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Hôn nhân giữa bà Tuyết và ông Trọng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 222 quyển số 01/2008 ngày 04/7/2008, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau thời gian chung sống, đến khoảng đầu tháng 4 năm 2017 bà Tuyết đã tự ý dẫn con về lại nhà cha mẹ ruột bà sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ông Trọng. Trong quá trình lấy lời khai ông Trọng đã thừa nhận thời gian chung sống vợ chồng không đạt được hạnh phúc, vì bà Tuyết không có trách nhiệm đối với ông, không chăm lo đầy đủ cơm nước cho ông, do bức tức ông có nhiều lần đánh đập bà Tuyết, khoảng đầu tháng 4 năm 2017 bà Tuyết đã tự ý dẫn con về lại nhà cha mẹ ruột bà sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ông Như vậy, mục đích hôn nhân của họ không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. Do đó yêu cầu xin được ly hôn của bà Tuyết là chính đáng. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Tuyết là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con, tên Trần Thị X, sinh ngày 10/9/2001 và Trần Thị M, sinh ngày 23/7/2006 hiện đang ở với bà Tuyết, bà Tuyết yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông Trọng cấp dưỡng nuôi con. Theo nguyện vọng của các con là xin được tiếp tục ở với mẹ. Để đảm bảo tính ổn định trong cuộc sống và sinh hoạt của các con, nên cần được duy trì quyền trực tiếp nuôi con đối với bà Tuyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Quang T, khi Tòa án lấy lời khai ông Trọng lần thứ hai, thì ông có ý kiến là do ông phải đi làm thợ hồ, không có thời gian đến Tòa án làm việc và có yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt ông. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông, nhưng ông cũng không đến tòa để tham gia tố tụng, do đó áp dụng b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn

Về án phí: Bà Tuyết phải chịu án phí theo luật định.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở đúng pháp luật, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn,

giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Trần Quang T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thị X, sinh ngày 10/9/2001 và Trần Thị M, sinh ngày 23/7/2006 cho bà Tuyết tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ tuổi thành niên; bà Tuyết không yêu cầu ông Trọng cấp dưỡng nuôi con. Bà Tuyết không được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung đối với ông Trọng

3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận; về nợ chung: không có

4. Về án phí: Bà Tuyết phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí của bà Tuyết nộp tại biên lai thu tiền số 001446 ngày 31/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/4/2018). Đối với bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Ky

Ngô Anh Tuấn

Nguyễn Văn Thạch